TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 22 – 02 – 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Diện
Ông Trần Hoàng Bé

-Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021. Về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng V - Sinh năm 1984 (Có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích T - Sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Cùng trú: Ấp L, xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Hoàng V và chị Trần Thị Bích T kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/4/2005. Sau khi kết hôn, anh V và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V và chị T bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận. Anh V và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Bích T.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Hoàng V và chị Trần Thị Bích T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 08 – 2 – 2005 và Nguyễn Kiều M, sinh ngày 26 – 12 – 2007, hiện con đang sống với anh V. Sau khi ly hôn anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Hoàng V xác định trong thời gian chung sống anh và chị Trần Thị Bích T không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Hoàng V xác định trong thời gian chung sống anh và chị T không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị Bích T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của anh V nhưng chị T không có ý kiến. Tòa án thông báo để chị T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa anh Nguyễn Hoàng V và chị Trần Thị Bích T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị T có địa chỉ tại ấp Lý Ấn, xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh V và chị T kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của anh V và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh V và chị T thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, anh V và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2021. Tại phiên tòa, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Chị T không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh V có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của anh V đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, chị T đã được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập chị T hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập chị T đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị T. Chị T không đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên tòa, cho thấy chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh V đối với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Nguyễn Thảo M và Nguyễn Kiều M đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo

quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Toà án xem xét nguyện vọng của con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Xét thấy từ khi anh V và chị T sống ly thân đến nay cháu Thảo M và cháu Kiều M sống chung với anh V đã ổn định. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 26 – 01 – 2022 đối với cháu Nguyễn Thảo M và cháu Nguyễn Kiều M của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì 02 cháu trình bày nguyện vọng sau khi anh V và chị T ly hôn thì 02 cháu muốn được sống với cha là anh V. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của cháu Nguyễn Thảo M và cháu Nguyễn Kiều M nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh V và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng V xác định trong thời gian chung sống anh và chị T không có tài sản chung, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh V xác định trong thời gian chị T chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị T vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng V.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Hoàng V được ly hôn với chị Trần Thị Bích T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hoàng V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 08 – 2 – 2005 và Nguyễn Kiều M, sinh ngày 26 – 12 – 2007. Chị Trần Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh V có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006464 ngày 24 – 6 – 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ anh V nộp

đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị Bích T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã H, huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt